TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 306/2020/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh Ph, sinh năm 1955; Địa chỉ: Địa chỉ: 112 James Str. Punchbowl N.S.W 2196, Australia.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 115/12 đường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 21760 quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 08/9/2018 tại Phòng Công chứng số A1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1974; địa chỉ: 373/24/16 Thống Nhất, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Nh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1972; Địa chỉ: 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 115/12 đường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Phạm Hồng L, sinh năm 1976; Địa chỉ: 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Tổ 4, ấp KD, xã TK, huyện CG, tỉnh LA.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Đ (đã chết ngày 29/7/2018) và ông Phạm Hùng V (đã chết năm 1986) để lại gồm:

- Nhà đất tọa lạc tại số 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 01/GCN của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Sở Nhà Đất cấp cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 07/01/1991.

- Thửa đất số 35 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp Kinh 2B, xã PL, huyện TP, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 971 903, số vào sổ cấp GCN: CH 00084 do Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh TG cấp cho bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 28/3/2014.

2.2. Thống nhất giá trị di sản thừa kế là 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

2.3. Những người được hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ (đã chết ngày 29/7/2018) và ông Phạm Hùng V (đã chết năm 1986) gồm:

Phạm Hùng T, sinh năm 1972;

Phạm Thị Thanh Ph, sinh năm 1955;

Phạm Thành Đ, sinh năm 1974

Phạm Hồng L, sinh năm 1976

2.4. Cách chia di sản như sau:

- Đối với di sản là nhà đất tại 121/12 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 01/GCN của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Sở Nhà Đất cấp cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 07/01/1991 tiếp tục giao cho ông Phạm Hùng T được toàn quyền sở hữu, định đoạt. Ông T được quyền cầm quyết định này liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sang tên riêng ông theo quy định của pháp luật.

- Đối với di sản là thửa đất số 35 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp Kinh 2B, xã PL, huyện TP, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 971 903, số vào sổ cấp GCN: CH 00084 do Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh TG cấp cho bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 28/3/2014 được giao cho ông Phạm Thành Đ, ông Phạm Hồng L và bà Phạm Thị Thanh Ph được đồng sở hữu, sử dụng, định đoạt. Ông Phạm Thành Đ, ông Phạm Hồng L và bà Phạm Thị Thanh Ph có trách nhiệm liên đới giao cho ông Phạm Hùng T số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ông Phạm Hùng T có trách nhiệm giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 971 903, số vào sổ cấp GCN: CH 00084 do Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh TG cấp cho bà Nguyễn Thị Đ vào

ngày 28/3/2014 và làm thủ tục sang tên cho các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph theo quy định của pháp luật.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph giao đủ số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng cho ông Phạm Hùng T, ông T có nghĩa vụ giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 971 903, số vào sổ cấp GCN: CH 00084 do Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh TG cấp cho bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 28/3/2014 cho các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph, đồng thời đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sang tên nhà và đất nêu trên cho các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph theo quy định của pháp luật.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph giao đủ tiền cho ông Phạm Hùng T mà ông T không thực hiện việc bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 971 903, số vào sổ cấp GCN: CH 00084 do Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh TG cấp cho bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 28/3/2014 hoặc không thực hiện việc sang tên cho các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph, thì các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph được quyền cầm quyết định này liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền sang tên cho các ông (bà) Phạm Thành Đ, Phạm Hồng L, Phạm Thị Thanh Ph để đứng tên sở hữu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp Kinh 2B, xã PL, huyện TP, tỉnh TG theo quy định của pháp luật.

Các bên thi hành trực tiếp với nhau dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hùng T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Miễn án phí cho bà Phạm Thị Thanh Ph. Hoàn cho bà Phạm Thị Thanh Ph số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.850.000 (Mười tám triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng theo các biên lai số AA/2017/0046066 ngày 23/01/2019 và biên lai số AA/2018/0025982 ngày 27/06/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Hồng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (bảy triệu trăm năm trăm ngàn) đồng.

Ông Phạm Thành Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (bảy triệu trăm năm trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.850.000 (Sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0025983 ngày 27/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đồng còn phải nộp số tiền 650.000 (Sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:
-TAND Tối cao;
-TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP. HCM;
Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Kim Khánh